

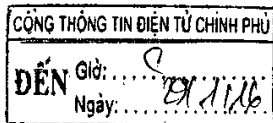
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **173** /TTg-KTN

Hà Nội, ngày **18** tháng **01** năm **2016**

V/v điều chỉnh quy hoạch
phát triển các khu công nghiệp
tỉnh Bình Dương đến năm 2020



Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 298/BKHĐT-QLKKT ngày 14 tháng 01 năm 2016 về việc Đề án quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn nêu trên (Phụ lục kèm theo), cụ thể:

- Đưa khu công nghiệp Mai Trung với diện tích 51 ha ra khỏi Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước đến năm 2020;

- Điều chỉnh giảm diện tích các khu công nghiệp: Tân Đông Hiệp B từ 163 ha xuống 150 ha, Sóng Thần III từ 534 ha xuống 427 ha, Đại Đăng từ 274 ha xuống 219 ha; Phú Tân từ 133 ha xuống 107 ha và Kim Huy từ 214 ha xuống 172 ha;

- Điều chỉnh tăng diện tích các khu công nghiệp: Lai Hưng từ 400 ha lên 600 ha, Cây Trường từ 300 ha lên 700 ha;

- Mở rộng thêm diện tích các khu công nghiệp: Nam Tân Uyên từ 620 ha lên 966 ha, Rạch Bắp từ 279 ha lên 639 ha và Việt Hương 2 từ 250 ha lên 262 ha;

- Bổ sung mới các khu công nghiệp: Bình Dương Riverside ISC với diện tích 600 ha, Tân Lập I với diện tích 200 ha, VSIP III với diện tích 1.000 ha và Vĩnh Lập với diện tích 500 ha vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước đến năm 2020.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Bình Dương cho phù hợp theo quy định của pháp luật;

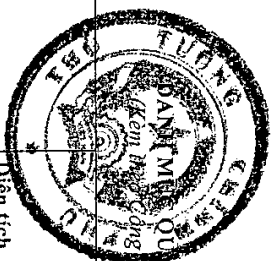
- Tiếp thu ý kiến của các Bộ, tổ chức thực hiện quy hoạch đã được duyệt; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch chi tiết, thực hiện thủ tục đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp theo từng giai đoạn phù hợp với khả năng thu hút đầu tư và trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các điều kiện và trình tự theo quy định; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng nhà ở công nhân và các công trình phúc lợi xã hội cho người lao động tại các khu công nghiệp để đảm bảo điều kiện sống, làm việc của người lao động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT,
- Các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3) TrT. **28**



Hoàng Trung Hải



Phụ lục
HOẠCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 443 / TTg-KTN ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên Khu công nghiệp	Diện tích KCN đã quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch				
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNDT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNDT		Diện tích dự kiến quy hoạch đến năm 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đặc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới, mở rộng đến năm 2020	
I. KCN được thành lập trước Quyết định 1107/QĐ-TTg ngày 21/08/2006:										
1	Sông Thần I	178	178		178	178				
2	Sông Thần II	279	279		279	279				
3	Việt Nam-Singapore	473	473		473	473				
4	Việt Nam-Singapore II:	1,338	1,338		1,338	1,338				
5	Đồng An	139	138		138	138			1	
6	Đồng An 2	205	205		205	205				
7	Bình Dương	17	17		17	17				
8	Việt Hương	36	36		36	36				
9	Tân Đông Hiệp A	47	50		50	50	3			
10	Mỹ Phước	377	377		377	377				
11	Mỹ Phước 2	477	477		477	477				
12	Bình An	26	26		26	26				
13	Nam Tân Uyên:	620	620		966	966	346			346
14	Rạch Bắp	279	279		639	639	360			360
15	Thới Hoà	202	202		202	202				
16	Việt Hương 2	250	250		262	262	12			12
17	Mai Trung	51	51		0	0				51
	Cộng	4,994	4,997		5,664	5,664	721		52	718
II. KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng, đã thực hiện quy hoạch, toàn bộ diện tích đã thành lập:										
18	Mỹ Phước 3	978	978		978	978				
19	Singapore Ascendas-Protrade (An Tây)	500	495		495	495			5	
20	Mapletree Bình Dương	75	75		75	75				
21	Tân Bình	350	353		353	353	3			

STT	Tên Khu công nghiệp	Diện tích KCN đã quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch			
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT		Diện tích dự kiến quy hoạch đến năm 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch đo đạc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới, mở rộng đến năm 2020
	Cộng	1,903	1,900		1,900	1,900	3	5	
III.	KCN được phê duyệt QH theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng, một phần diện tích chưa thực hiện:								
22	Tân Đông Hiệp B	163	150		150	150		13	
23	Sông Thần III	534	534		427	427		107	
24	Phủ Tân (Việt REMAX)	133	107		107	107		27	
25	Dại Đăng	274	219		219	219		55	
26	Kim Huy	214	214		172	172		42	
27	Đất Cuốc:	553	213	340	553	553			
	- Đất Cuốc	213	213		213	213			
	- Đất Cuốc mở rộng	340		340	340	340			340
28	Bàu Bàng:	1,998	998	1,000	1,998	1,998			
	- Bàu Bàng	998	998		998	998			
	- Bàu Bàng mở rộng	1,000		1,000	1,000	1,000			1,000
	Cộng	3,868	2,434	1,340	3,626	3,626		243	1,340
IV.	KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng, toàn bộ diện tích chưa thực hiện:								
29	Cây Trường	300		300	700	700	400		700
30	Lai Hưng	400		400	800	600	200		600
	Cộng	700		700	1,500	1,300	600		1,300
V.	Các khu công nghiệp đề xuất bổ sung quy hoạch đến năm 2020:								
31	Bình Dương Riverside ISC				600	600			600
32	Tân Lập I				400	200			200
33	Việt Nam - Singapore III (Bình Mỹ)				2,600	1,000			1,000
34	Vĩnh Lập (Vĩnh Hòa-Tam)				1,000	500			500
	Cộng				4,600	2,300			2,300
	TỔNG CỘNG	11,465	9,331	2,040	17,290	14,790	1,324	300	5,658